TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÌNH TÂN
TỈNH VĨNH LONG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 31 /2019/DS-ST
Ngày: 06 - 9 - 2019
V/v "Tranh chấp HĐ mua bán"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH TÂN - TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Dũng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Hoàn Thanh

2. Ông Trần Văn Giữ

- Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Kim Thùy - là Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long tham gia phiên tòa: Ông Trần Văn Minh - Kiểm sát viên

Ngày 06 tháng 9 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 93/2019/TLST-DS ngày 03 tháng 7 năm 2019 về "Tranh chấp HĐ mua bán" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 39/2019/QĐXXST-DS ngày 06 tháng 8 năm 2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Ngọc T, sinh năm 1972. Địa chỉ tổ 4, ấp A, xã T, huyện BT, tỉnh Vĩnh Long. Người đại diện theo pháp luật của Hộ kinh doanh M. (Có mặt)

2. Bị đơn: Ông Đinh Văn M, sinh năm 1962 (Có mặt)

Bà Nguyễn Ngọc Đ, sinh năm 1964 (Xin vắng mặt)

Cùng địa chỉ tổ 03, ấp H, xã T, huyện BT, tỉnh Vĩnh Long.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 03/7/2019 và lời khai trong quá trình giải quyết nguyên đơn bà T trình bày:

Bà là chủ hộ kinh doanh M. Ngành nghề kinh doanh là mua, bán phân bón, thuốc bảo vệ thực vật. Vào ngày 06/9/2014 (âm lịch), vợ chồng ông Đinh Văn M và bà Nguyễn Ngọc Đ đến cửa hàng của bà để hợp đồng mua thuốc bảo vệ thực vật và phân bón. Trong quá trình thực hiện thỏa thuận giữa hai bên, bà đã giao hàng hóa bao gồm thuốc bảo vệ thực vật và phân bón cho vợ chồng ông M, bà Đ. Tính đến ngày 22/5/2015 (âm lịch) vợ chồng ông M, bà Đ còn nợ bà tiền phân bón, thuốc bảo vệ thực vật tổng cộng là 78.367.000 đồng. Đến ngày 11/6/2017 (âm lịch) vợ chồng ông M, bà Đ viết giấy cam kết trả số nợ trên và hứa sẽ bán đất để trả cho bà. Đồng thời ông M, bà Đ viết giấy hẹn hứa trả cho bà mỗi tháng 10.000.000 đồng. Đến ngày 15/8/2018 ông M tiếp tục viết giấy hẹn trả số nợ trên cho bà nhưng sau đó cũng không trả tiền cho bà. Từ đó cho đến nay, ông M và bà Đ không bán đất trả tiền cho bà và cũng không trả tiền hàng tháng cho bà như đã cam kết. Bà đã nhiều lần tìm gặp vợ chồng ông M để yêu cầu thực hiện nghĩa vụ trả nợ nhưng ông bà cứ cố tình né tránh.

Nay bà yêu cầu vợ chồng ông M và bà Đ phải có trách nhiệm trả cho bà số tiền mua thuốc bảo vệ thực vật và phân bón còn thiếu là 78.367.000 đồng và phải trả tiền lãi phát sinh với mức lãi suất là 1,66%/tháng cho đến khi Tòa án giải quyết xong và yêu cầu trả lãi tiếp cho đến khi trả hết nợ. Ngoài ra bà không còn yêu cầu nào khác.

Tại buổi hòa giải và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn ông Đinh Văn M trình bày:

Vào năm 2014 vợ chồng ông có đến cửa hàng M của bà Nguyễn Ngọc T để mua phân bón và thuốc bảo vệ thực vật để trồng khoai lang. Trong quá trình mua thì vợ chồng ông có trả tiền cho bà T nhưng do làm ăn thua lỗ nên không có trả đủ tiền cho bà T được. Vợ chồng ông mua phân bón và thuốc bảo vệ thực vật của bà T khoảng một năm thì do không trả đủ tiền nên bà T không bán cho nữa. Số tiền vợ chồng ông thiếu của bà T khoảng hơn 40.000.000 đồng. Bà T đến đòi tiền nhiều lần nhưng vợ chồng ông không có trả nên bà T nói phải tính tiền lãi.

Vào ngày 11/6/2017 (âm lịch) bà T đến đòi tiền nên ông có ký tên giấy cam kết trả nợ cho đại lý T1 (là cửa hàng M của bà T, T1 là chồng bà T nhưng giao dịch mua bán là với bà T) số tiền là 78.367.000 đồng và cam kết khi nào bán được đất sẽ trả tiền cho bà T. Cùng ngày 11/6/2017 (âm lịch) vợ chồng ông có ký giấy hẹn trả tiền cho đại lý M của bà T, vợ chồng ông có hứa trả hàng tháng 10.000.000 đồng, vì lúc đó vợ chồng ông tính sẽ thu được nợ của người ta. Sau đó vợ chồng ông cũng không bán đất được, vì đất đã cố cho người ta, còn tiền người ta nợ nhưng không trả nên không có tiền trả cho bà T.

Đến ngày 15/8/2018 ông có viết giấy cam kết trả số tiền 78.367.000 đồng

cho bà T và hứa: Ngày 20/10/2018 trả 5.000.000 đồng, tới tháng 12/2018 trả 5.000.000 đồng, qua tết trả hết số tiền còn lại. Nhưng do không có tiền nên đến nay cũng không trả được cho bà T.

Hiện nay vợ chồng ông cũng đi làm thuê nên không có tiền trả cho bà T. Do hoàn cảnh của vợ chồng ông khó khăn nên vợ chồng ông xin bà T cho trả số nợ theo như ông đã viết giấy là 78.367.000.000 đồng, vợ chồng ông xin không trả lãi. Vợ chồng ông xin trả số tiền này trong thời gian từ nay đến năm 2025, nếu trong thời gian này ông có nhiều thì ông sẽ trả hết nợ sớm hơn.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 22/7/2019 bị đơn bà Nguyễn Ngọc Đ trình bày: Bà thống nhất với ý kiến của chồng bà là ông Đinh Văn M. Vì bận công việc gia đình, bà Đ xin được vắng mặt trong các buổi hòa giải và xét xử cho đến khi có bản án hoặc quyết định có hiệu lực pháp luật.

Tại phiên tòa:

Bà Nguyễn Ngọc T trình bày: Bà bán thuốc bảo vệ thực vật và phân bón cho ông M và bà Đ để trồng khoai, lúa. Do không có tiền trả nên ngày 11/6/2017 (âm lịch) ông M và bà Đ có viết giấy hẹn trả bà số nợ gốc là 78.367.000 đồng và thỏa thuận trả tiền lãi theo quy định của nhà nước là hơn 1%/tháng nhưng từ đó cho đến nay không trả gốc và lãi cho bà. Nay bà yêu cầu vợ chồng ông M và bà Đ phải có trách nhiệm trả cho bà số tiền mua thuốc bảo vệ thực vật và phân bón còn thiếu là 78.367.000 đồng và phải trả tiền lãi phát sinh với mức lãi suất 1,66%/tháng, tính từ ngày 11/6/2017 (âm lịch) cho đến nay và yêu cầu trả lãi tiếp cho đến khi trả hết nợ. Bà không đồng ý cho trả dần, vì thời gian đã lâu.

Ông Đinh Văn M trình bày: Vợ chồng ông mua phân bón và thuốc bảo vệ thực vật của bà T để trồng khoai, lúa. Vợ chồng ông làm ăn thua lỗ từ trước khi mua của bà T, cho đến khi mua của bà T thì không có khả năng thanh toán nên bà T ngưng không bán nữa. Ngày 11/6/2017 (âm lịch) ông M và bà Đ có viết giấy hẹn trả bà T số nợ gốc là 78.367.000 đồng và thỏa thuận trả tiền lãi theo quy định của nhà nước là hơn 1%/tháng nhưng từ đó cho đến nay không có tiền trả gốc và lãi cho bà T. Ông đồng ý trả bà T số tiền 78.367.000 đồng cho bà T. Ông thừa nhận bà T yêu cầu lãi suất 1,66%/tháng là đúng nhưng ông xin không trả lãi vì hoàn cảnh gia đình kinh tế khó khăn, còn tiền gốc thì ông xin trả đến năm 2026 sẽ trả hết nợ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Tân phát biểu ý kiến:

- Việc tuân thủ pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và thư ký tại phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến khi trước Hội đồng xét xử nghị án là đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Việc chấp hành pháp luật của các đương sự đảm bảo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về quyền và nghĩa vụ của các đương sự.

- Về nội dung đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng khoản Điều 35, 39; 147, 227 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; Điều 430, 440, 468 của Bộ luật dân sự 2015; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Ngọc T (đại diện hộ kinh doanh M). Buộc ông Đinh Văn M và bà Nguyễn Ngọc Đ có trách nhiệm liên đới trả số tiền mua phân bón và thuốc bảo vệ thực vật còn thiếu cho bà Nguyễn Ngọc T số tiền là gốc là 78.367.000 đồng và tiền lãi tính đến ngày 06/9/2019 là 32.782.000 đồng.

- Về án phí sự : Buộc ông Đinh Văn M và bà Nguyễn Ngọc Đ phải nộp 5.557.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Quan hệ pháp luật tranh chấp giữa các đương sự là tranh chấp hợp đồng mua bán, bị đơn không có mục đích lợi nhuận nên là tranh chấp dân sự, bị đơn có nơi cư trú ở huyện Bình Tân nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án huyện Bình Tân theo quy định tại khoản 3 Điều 26, Điều 35 và Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

[2] Bị đơn bà Nguyễn Ngọc Đ có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử giải quyết theo quy định pháp luật.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Ngọc T là có căn cứ chấp nhận. Bởi vì vào năm 2014 ông Đinh Văn M và bà Nguyễn Ngọc Đ có mua phân bón và thuốc bảo vệ thực vật của bà T. Do không có tiền trả nên ông bà ký tên vào giấy cam kết trả nợ ngày 11/6/2017 AL và giấy hẹn trả tiền cho đại lý M của bà T với số tiền nợ gốc là 78.367.000 đồng. Do không bán được đất nên ông bà không có tiền thanh toán nợ theo như cam kết. Nay ông bà đồng ý trả số tiền nợ gốc là 78.367.000 đồng cho bà T, ông bà xin không trả lãi vì hoàn cảnh kinh tế gia đình khó khăn. Tuy nhiên, do ông M và bà Đ đã hứa nhiều lần nhưng không thực hiện nên bà T không đồng ý cho trả dần nên không có căn cứ xem xét. Do đó, ông Đinh Văn M và bà Nguyễn Ngọc Đ phải trả cho bà Nguyễn Ngọc T số trả tiền gốc là 78.367.000 đồng.

Bà T yêu cầu trả tiền lãi với mức lãi suất là 1,66%/tháng là phù hợp với quy định của pháp luật, tính từ ngày 11/6/2017 âm lịch (ngày dương lịch là 02/8/2017) đến ngày xét xử 06/9/2019. Lãi suất cụ thể như sau: 78.367.000 đồng x 1,66%/tháng x 2 năm 01 tháng 4 ngày = 32.695.000 đồng; tổng cộng

gốc và lãi là 111.062.000 đồng.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc ông M, bà Đ nộp toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm là 5.553.000 đồng.

[5] Xét đề nghị của vị Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, các Điều 35, 39; 147, 227 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ các Điều 288, 430, 434, 440, 468 của Bộ luật dân sự 2015;

Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Ngọc T là người đại diện theo pháp luật của Hộ kinh doanh M:

Buộc ông Đinh Văn M và bà Nguyễn Ngọc Đ phải có trách nhiệm liên đới trả bà Nguyễn Ngọc T số tiền gốc là 78.367.000 đồng; tiền lãi là 32.095.000 đồng; tổng cộng tiền gốc và lãi là 111.062.000 đồng (một trăm mười một triệu không trăm sáu mươi hai ngàn đồng).

2. Về án phí sự sơ thẩm: Buộc ông Đinh Văn M, bà Nguyễn Ngọc Đ nộp toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm là 5.553.000 đồng (năm triệu năm trăm năm mươi ba ngàn đồng).

Trả cho bà Nguyễn Ngọc T số tiền tạm ứng án phí là 2.756.000 đồng (Hai triệu bảy trăm năm mươi sáu nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 0011035 ngày 03/7/2019 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Bình Tân.

4. Về nghĩa vụ thi hành án:

- Đối với trường hợp chậm thực hiện nghĩa vụ trong hợp đồng mà các bên có thỏa thuận về việc trả lãi thì quyết định kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật; nếu không có thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

- Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân

sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai có mặt của nguyên đơn và bị đơn được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết theo quy định pháp luật.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(ĐÃ KÝ)

Nguyễn Văn Dũng

Nơi nhận:
- TAND T. Vĩnh Long;
- VKSND H. Bình Tân;
- Chi cục THADS H. Bình Tân;
- Các đương sự;
- Lưu.